

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-ST

Ngày: 18-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đạt Thông

Ông Nguyễn Trần Đông

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST - HS, ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Quốc T, sinh ngày 14/4/1999 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm B, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quốc Y, sinh năm 1977 và bà Lê Thị L, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/9/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:**

1/ Nguyễn Thanh P, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

2/ Nguyễn Thanh N, sinh năm 1978. Nơi cư trú: khóm C, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 01/8/2024, Bùi Quốc T đi bộ từ Công ty M thuộc khóm E, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh theo đường đal dọc sông X thuộc khóm D, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Khi đi đến chòi giữ tôm của anh Nguyễn Thanh N thuộc khóm D, thị trấn L, T nhìn thấy chiếc xe mô tô, hiệu Honda Blade, biển số 84M1-051.46, màu đen trắng của anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1978, nơi cư trú khóm C, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh có gắn chìa khóa sẵn trên xe và chìa khóa xe vẫn còn bật, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, T đi lại chỗ chiếc xe nhìn xung quanh không thấy ai, T mới bước vào cửa sau của chòi tôm nhìn thấy chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Xiaomi Redmi Noste 12S, màu xanh của anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1995, nơi cư trú ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh đang để trên đầu tủ đông. T đi lại lấy trộm điện thoại, sau đó quay ra dắt chiếc xe và dẫn bộ đi khoảng 100 mét rồi đề máy xe và chạy ra theo đường đal số 8 vòng qua Nhà thờ thị trấn L, chạy theo đường nhựa nông thôn đến Ủy ban nhân dân xã L, vòng ra Quốc lộ E chạy về hướng xã L Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T đem xe mô tô vừa lấy trộm được đến tiệm S thuộc ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh gặp anh Trần Hoàng P1, sinh năm 2005, nơi cư trú ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh nói T bị Cảnh sát giao thông rượt bắt nên nhờ anh P1 tháo biển số cát, anh P1 đồng ý tháo biển số xe giùm cho T. Sau khi tháo biển số xe xong, T điều khiển xe mô tô lấy trộm được đến nhà của anh Sơn Thanh H, sinh năm 2009, nơi cư trú ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Khi gặp được anh H thì T đem điện thoại vừa trộm được ra và nói với anh H là điện thoại của người anh cho T lâu rồi không xài nên không nhớ mật khẩu máy. T nhờ anh H bẻ khóa mật khẩu điện thoại giùm nhưng không được nên T nhờ anh H cất giữ điện thoại giùm. Tiếp đến, T điều khiển xe mô tô trộm được đến nhà anh Kim Minh T1, sinh năm 2006, nơi cư trú ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh để ngủ. Khi T đi đến nhà, anh T1 hỏi xe của ai mà không có biển số, T nói là xe của nhà lâu quá không chạy, mới bị giao thông rượt bắt nên tháo biển số. T ngủ tại nhà anh T1 cho đến khoảng 09 giờ ngày 02/8/2024, T tiếp tục đến nhà anh Sơn Thanh H để chơi và gặp anh Lữ Trung T2, sinh năm 2006, nơi cư trú ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. T lấy điện thoại gửi anh H ra đưa cho anh T2 và nói lâu rồi không xài quên mật khẩu điện thoại, T nhờ anh T2 bẻ khóa mật khẩu giùm nhưng không được nên T gửi điện thoại cho anh H giữ giùm. Tiếp đó, T mượn xe mô tô của anh T2 chở anh H đi ra xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh để chơi và để xe mô tô trộm được kêu anh T2 có đi đâu lấy chạy đỡ đi. Anh T2 đồng ý mới điều khiển xe mô tô do T trộm được đi qua xã Đ, huyện T,

tỉnh Trà Vinh để chơi. Đến khoảng 22 giờ ngày 02/8/2024, anh T2 điện thoại cho T đến đổi xe tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Đến khoảng 23 giờ ngày 03/8/2024, T đang điều khiển xe lấy trộm được lưu thông trên tuyến đường nhựa nông thôn thuộc ấp K, xã L thì bị lực lượng Công an xã L tuần tra phát hiện mời làm việc. Tại Cơ quan Công an, T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Thanh N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 20/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Xiaomi Redmi Noste 12S, màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 1.125.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển số 84M1-051.46, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu sơn đen - trắng, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 2.865.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Bùi Quốc T lấy trộm của các bị hại là 3.990.000 đồng (Ba triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Thanh P 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Xiaomi Redmi Noste 12S, màu xanh, đã qua sử dụng; trả lại cho anh Nguyễn Thanh N 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển số 84M1-051.46, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu sơn đen - trắng, đã qua sử dụng.

Về phân trách nhiệm dân sự: Các bị hại Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Bùi Quốc T bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 42/CT-VKS ngày 01/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Bùi Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 với khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Quốc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, thừa nhận Bản cáo trạng mô tả quá trình phạm tội của bị cáo là đúng và truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng với hành vi của bị cáo đã thực hiện đối với các bị hại. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh:
Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên Bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 01/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Bùi Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

và phân tích về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Quốc T từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngoài ra, V còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp án phí và giành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi các bị hại và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về sum họp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Quốc T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 20 giờ ngày 01/8/2024, tại chòi tôm của anh Nguyễn Thanh N, lợi dụng sự sơ hở của anh N, bị cáo T đã lấy trộm 01 điện thoại di động của anh Nguyễn Thanh P và 01 xe máy của anh Nguyễn Thanh N sau đó bị cáo điều khiển xe đi đến xã L, huyện D cho đến khoảng 23 giờ ngày 03/8/2024 trong lúc bị cáo điều khiển xe lấy trộm lưu thông trên đường thì bị lực lượng Công an xã L phát hiện.

Từ đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Quốc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan, không sai.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Bị cáo, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm

đến tài sản của các bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, hành vi của bị cáo làm gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, mà động cơ, mục đích là xuất phát từ lòng tham, lười lao động của bị cáo, lợi dụng sự sơ hở của các bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp, với tuổi đời của bị cáo đáng lẽ ra phải chăm chỉ lao động tạo ra nguồn thu nhập nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình, nhưng ngược lại bị cáo đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện sự xem thường pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Do đó cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo nhằm để giáo dục bị cáo thành người tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo được Ủy ban nhân dân thị trấn L và Ủy ban nhân dân huyện D tặng nhiều giấy khen trong công tác Đoàn thể và phong trào thanh thiếu niên tại địa phương, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản của các bị hại đã được trao trả lại, đồng thời các bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D trả lại cho anh Nguyễn Thanh P 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Xiaomi Redmi Noste 12S, màu xanh, đã qua sử dụng; trả lại cho anh Nguyễn Thanh N 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển số 84M1-051.46, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu sơn đen - trắng, đã qua sử dụng.

[8] Về án phí: Bị cáo Bùi Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và án phí sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Bùi Quốc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc T 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã thu hồi tài sản trả lại cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Bùi Quốc T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Yên